

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN GENTRACO

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011 | 13 – 37 |
| 8. Phụ lục | 38 - 39 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Gentraco (gọi tắt là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800688429 (số cũ là 5703000379) ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 14 tháng 5 năm 2008 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh và các Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 4 năm 2009 về việc thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 09 tháng 9 năm 2009 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 44.000.000.000 VND lên 80.800.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 11 tháng 8 năm 2010 về việc bổ sung cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16 tháng 9 năm 2010 về việc bổ sung thêm Chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 80.800.000.000 VND lên 84.800.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

| <u>Cổ đông</u> | <u>Vốn góp (VND)</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> |
|--------------------------|-----------------------|------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | 41.560.000.000 | 49,01 |
| Các cổ đông khác | 43.240.000.000 | 50,99 |
| Cộng | 84.800.000.000 | 100,00 |

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội từ ngày 21 tháng 4 năm 2011 với mã chứng khoán là GFC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Điện thoại : (84-710) 3853 744

Fax : (84-710) 3853 744

Mã số thuế : 1800688429

Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Công ty cổ phần thủy sản Gentraco - Chi nhánh Ấp 2, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty cổ phần thủy sản Gentraco tại Đăk Nông Thôn 2, xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông Đăk Nông
Chi nhánh Công ty cổ phần thủy sản Gentraco tại Bình Dương Lô B2 – B3, đường N5, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Công ty cổ phần thủy sản Gentraco – Chi nhánh Giồng và dịch vụ thú y thủy sản. Đường Nguyễn Trung Trực, khu vực Long Thạnh A, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ; Kinh doanh, nhập khẩu gỗ; Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ; Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi; Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng; Cho thuê kho bãi.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay tăng 323 tỷ VND # 30% so với năm trước chủ yếu là do giá bán cá các tháng đầu năm 2011 tăng cao. Tuy nhiên, do chi phí tài chính mà chủ yếu là chi phí lãi vay gia tăng đã làm cho kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty bị lỗ.

Trong năm, Công ty đã thành lập thêm Chi nhánh cá giống và dịch vụ thuốc thú y thủy sản tại quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2011.NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 7 năm 2011 như sau:

| | |
|----------------------|--------------------------|
| - Trích lập các quỹ: | 305.748.315 VND |
| - Chia cổ tức: | <u>8.168.915.344 VND</u> |
| Cộng: | 8.474.663.659 VND |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|--------------|--------------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Chủ tịch | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |
| Ông Nguyễn Văn Lê | Phó Chủ tịch | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |
| Ông Trần Thanh Vân | Thành viên | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |
| Ông Lê Quang Tâm | Thành viên | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |
| Ông Diệp Hoàng Sơn | Thành viên | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------|-----------------|
| Bà Huỳnh Thị Ngọc Giàu | Thành viên | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|------------|--------------------------|-----------------|
| Ông Trần Hữu Đức | Trưởng ban | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |
| Bà Hoàng Thị Minh | Thành viên | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |
| Bà Trần Võ Tố Loan | Thành viên | Ngày 06 tháng 7 năm 2011 | - |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|--------------|---------------------------|--------------------------|
| Ông Lê Quang Tâm | Giám đốc | Ngày 02 tháng 01 năm 2008 | - |
| Ông Diệp Hoàng Sơn | Phó Giám đốc | Ngày 02 tháng 01 năm 2008 | - |
| Bà Lưu Thị Lan | Phó Giám đốc | Ngày 05 tháng 02 năm 2010 | Ngày 01 tháng 6 năm 2011 |
| Bà Vũ Thị Dung | Phó Giám đốc | Ngày 02 tháng 4 năm 2010 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011; A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Nguyễn Trung Kiên
Chủ tịch

Ngày ... tháng 4 năm 2012

Số: 0426/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần thủy Sản Gentraco gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12 tháng 01 năm 2012, từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập sau đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản Gentraco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung – Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số:Đ.0099/KTV

Lê Thị Thu Hiền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số:Đ.0095/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 634,026,018,078 | 533,390,351,446 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 3,040,743,896 | 6,723,539,798 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 3,040,743,896 | 6,723,539,798 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | | 90,000,000,000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | - | 93,000,000,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | - | (3,000,000,000) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 465,000,235,936 | 200,012,213,989 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 200,480,660,390 | 57,455,730,221 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 166,118,890,030 | 133,252,180,751 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.6 | 101,992,074,980 | 12,079,526,474 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.7 | (3,591,389,464) | (2,775,223,457) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 156,463,051,438 | 229,928,119,698 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 156,463,051,438 | 229,928,119,698 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.9 | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9,521,986,808 | 6,726,477,961 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 676,048,190 | 51,433,855 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2,511,743,240 | 2,168,831,025 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.22 | 2,078,243,070 | 1,803,483,708 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.11 | 4,255,952,308 | 2,702,729,373 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 146,068,622,254 | 144,145,543,569 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 102,783,582,427 | 114,389,680,192 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.12 | 20,664,792,918 | 27,800,253,738 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 29,586,864,426 | 34,136,027,314 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (8,922,071,508) | (6,335,773,576) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.13 | 81,599,244,257 | 85,908,073,702 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 83,433,745,910 | 86,841,611,531 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1,834,501,653) | (933,537,829) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.14 | 519,545,252 | 681,352,752 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 42,400,000,000 | 28,800,000,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.15 | 15,500,000,000 | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.16 | 19,600,000,000 | 28,800,000,000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.17 | 7,300,000,000 | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 885,039,827 | 955,863,377 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.18 | 885,039,827 | 947,139,094 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 8,724,283 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 780,094,640,332 | 677,535,895,015 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 700,258,468,590 | 588,026,039,246 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 699,547,993,590 | 587,282,289,246 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 385,013,577,077 | 344,196,603,755 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 195,277,224,537 | 140,885,240,795 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 117,175,485,984 | 101,761,525,191 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 28,343,563 | 57,210,569 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.23 | 898,156,070 | 218,388,819 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 892,614,114 | 163,320,117 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.25 | 262,592,245 | - |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 710,475,000 | 743,750,000 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.26 | 318,750,000 | 743,750,000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | IV.11 | 391,725,000 | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 79,836,171,742 | 89,509,855,769 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 79,836,171,742 | 89,509,855,769 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.27 | 84,800,000,000 | 80,800,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.27 | 106,540,779 | 106,540,779 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.27 | (5,070,369,037) | 8,603,314,990 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 780,094,640,332 | 677,535,895,015 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | | |
|--|----------------|--------------------|-------------------|
| | | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD) | | 93.129,34 | 59,352.93 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | - |

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1,401,805,562,453 | 1,078,537,729,363 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 1,401,805,562,453 | 1,078,537,729,363 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1,321,815,428,240 | 1,033,556,062,788 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 79,990,134,213 | 44,981,666,575 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 29,297,519,334 | 67,769,132,195 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 97,418,946,928 | 89,069,533,154 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 82,380,325,111 | 63,358,242,919 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 17,798,914,353 | 8,624,921,241 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 7,853,558,845 | 8,837,626,762 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (13,783,766,579) | 6,218,717,613 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 9,486,394,084 | 1,408,538,223 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 892,923,590 | 690,783,499 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 8,593,470,494 | 717,754,724 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (5,190,296,085) | 6,936,472,337 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.22 | - | 937,428,959 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 8,724,283 | (115,922,912) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(5,199,020,368)</u> | <u>6,114,966,290</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>(643)</u> | <u>757</u> |

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|------------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (5,190,296,085) | 6,936,472,337 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.12, V.13 | 5,058,095,764 | 4,191,865,257 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.3, V.7, V.9 | (2,183,833,993) | 4,753,837,503 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 446,374,689 | 166,089,373 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.7, VI.8 | (10,186,951,739) | (51,509,294,204) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 82,380,325,111 | 63,358,242,929 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 70,323,713,747 | 27,897,213,195 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (175,049,713,076) | (41,520,376,434) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 73,465,068,260 | (95,640,291,251) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 70,579,065,876 | 53,928,944,248 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (562,515,068) | (202,119,804) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | V.23, VI.4 | (81,700,557,860) | (63,177,685,502) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.22 | (274,759,362) | (5,340,857,806) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 38,724,559,046 | 11,060,107,495 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (39,787,806,816) | (12,538,596,551) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (44,282,945,253) | (125,533,662,410) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.12, V.13, V.14 | (8,026,920,036) | (65,467,984,262) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7, VII | 74,461,040 | 617,713,224 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (250,000,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 194,600,000,000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (7,400,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | V.16, V.17, VII | 2,000,000,000 | 10,080,000,000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.3, VI.3 | 9,402,855,503 | 7,063,663,045 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 3,450,396,507 | (110,506,607,993) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | V. 27 | 4,000,000,000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.19 | 1,505,087,463,892 | 1,425,813,242,676 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.19 | (1,464,090,152,283) | (1,189,869,597,139) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V. 27 | (7,849,884,694) | (6,059,482,438) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 37,147,426,915 | 229,884,163,099 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (3,685,121,831) | (6,156,107,304) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 6,723,539,798 | 12,461,256,384 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 2,325,929 | 418,390,718 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 3,040,743,896 | 6,723,539,798 |

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỸ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Đơn vị tính: VND | | | | | |
|---------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 22,188,339,494 | 8,516,357,384 | 2,881,825,398 | 279,757,937 | 269,747,101 | 34,136,027,314 |
| Mua sắm mới | 1,837,036,049 | 639,340,923 | 452,454,000 | 16,354,545 | - | 2,945,185,517 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | | 297,816,070 | 405,686,000 | | | 703,502,070 |
| Thanh lý, nhượng bán | (5,614,669,028) | (2,347,985,195) | (235,196,252) | - | - | (8,197,850,475) |
| Số cuối năm | 18,410,706,515 | 7,105,529,182 | 3,504,769,146 | 296,112,482 | 269,747,101 | 29,586,864,426 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 3,911,450,282 | 2,038,103,192 | 221,814,798 | 143,209,243 | 21,196,061 | 6,335,773,576 |
| Khấu hao trong năm | 2,427,243,726 | 1,096,700,294 | 382,833,054 | 55,951,587 | 53,949,420 | 4,016,678,081 |
| Thanh lý, nhượng bán | (947,749,669) | (455,190,914) | (27,439,566) | - | - | (1,430,380,149) |
| Số cuối năm | 5,390,944,339 | 2,679,612,572 | 577,208,286 | 199,160,830 | 75,145,481 | 8,922,071,508 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 18,276,889,212 | 6,478,254,192 | 2,660,010,600 | 136,548,694 | 248,551,040 | 27,800,253,738 |
| Số cuối năm | 13,019,762,176 | 4,425,916,610 | 2,927,560,860 | 96,951,652 | 194,601,620 | 20,664,792,918 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
 Người lập biểu

Lý Anh Thư
 Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢM GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u> | <u>Quỹ dự phòng tài chính</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|--|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 80,800,000,000 | (869,956,531) | 106,540,779 | 8,128,955,794 | 88,165,540,042 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 6,114,966,290 | 6,114,966,290 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (5,640,607,094) | (5,640,607,094) |
| Chênh lệch tỷ giá cuối năm | - | 869,956,531 | - | - | 869,956,531 |
| Số dư cuối năm trước | 80,800,000,000 | - | 106,540,779 | 8,603,314,990 | 89,509,855,769 |
| Số dư đầu năm nay | 80,800,000,000 | - | 106,540,779 | 8,603,314,990 | 89,509,855,769 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | (5,199,020,368) | (5,199,020,368) |
| Phát hành cổ phiếu trong năm | 4,000,000,000 | - | - | - | 4,000,000,000 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | - | (305,748,315) | (305,748,315) |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (8,168,915,344) | (8,168,915,344) |
| Số dư cuối năm nay | 84,800,000,000 | - | 106,540,779 | (5,070,369,037) | 79,836,171,742 |

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản; Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo; Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống; Kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 61 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 97 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng 323 tỷ VND # 30% so với năm trước chủ yếu là do giá bán cá các tháng đầu năm 2011 tăng cao. Tuy nhiên, do chi phí tài chính mà chủ yếu là chi phí lãi vay gia tăng đã làm cho kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty bị lỗ.

Trong năm, Công ty đã thành lập thêm Chi nhánh cá giống và dịch vụ thuốc thú y thủy sản tại quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 40 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 20 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 5 - 10 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Công ty trích khấu hao Quyền sử dụng đất có thời hạn với thời gian ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Khi bán chứng khoán, giá vốn của chứng khoán bán ra được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo vốn điều lệ mà các cổ đông đã đầu tư.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập | Mức trích lập tối đa |
|-----------------------------|--|-----------------------|----------------------|
| | | Từ lợi nhuận sau thuế | |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 10% | 10% vốn điều lệ |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 10% | - |

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND
31/12/2011 : 20.828 VND

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 74.460.312 | 116.426.859 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.966.283.584 | 6.607.112.939 |
| Cộng | <u>3.040.743.896</u> | <u>6.723.539.798</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

Trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội. Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ 600.000 trái phiếu của Ngân hàng này với giá 155.000 VND/trái phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư trái phiếu ngắn hạn. Trong năm, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đầu năm do đã bán hết toàn bộ số trái phiếu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia | 7.459.795.302 | 8.241.533.100 |
| Công ty cổ phần Việt Ánh | 867.947.015 | 5.871.267.095 |
| Công ty cổ phần DoMeNal | 2.911.961.500 | - |
| Công ty cổ phần Ewos Việt Nam | 938.396.550 | - |
| Công ty TNHH Guyomarc'h Việt Nam | 1.333.966.200 | 1.039.937.000 |
| Công ty cổ phần Việt An | 7.686.665.500 | - |
| Công ty TNHH hai thành viên hải sản 404 | 2.601.137.492 | - |
| Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ | 100.207.176.414 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư & phát triển viễn thông Miền Tây | 13.806.984.185 | - |
| Công ty cổ phần KL | 39.905.000.000 | - |
| Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh | 5.072.143.807 | 8.723.000 |
| Các khách hàng khác | 17.689.486.425 | 42.294.270.026 |
| Cộng | <u>200.480.660.390</u> | <u>57.455.730.221</u> |

Một số khoản phải thu trị giá 22.319.258.085 VND đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

5. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | 282.034.839 | 86.616.900.000 |
| Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt | 42.072.000.000 | - |
| Ông Trần Văn Sang | 35.944.880.419 | 27.088.013.003 |
| Công ty cổ phần Việt Ánh | 73.488.000.000 | 832.000.000 |
| Công ty TNHH đầu tư & chế biến lương thực Thiên Ngọc | 4.763.000.000 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Farmila | 627.988.000 | - |
| Công ty TNHH xây dựng Văn Lang | 2.000.000.000 | - |
| Doanh nghiệp tư nhân Liên Hiệp | 4.671.000.000 | - |
| Công ty lương thực An Giang | 750.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.519.986.772 | 18.715.267.748 |
| Cộng | <u>166.118.890.030</u> | <u>133.252.180.751</u> |

6. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Vay hộ cho Nhân viên để mua cổ phiếu của Công ty | 2.207.713.324 | 1.851.881.619 |
| Phải thu tiền bán trái phiếu chuyển đổi cho Công ty cổ phần Việt Ánh | 93.000.000.000 | - |
| Cổ tức phải thu | - | 2.352.000.000 |
| Lãi trái phiếu phải thu | - | 4.628.666.666 |
| Tạm ứng cổ tức năm 2010 | - | 418.875.344 |
| Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý | 185.211.118 | 1.910.238.325 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Tạm ứng cho cán bộ quản lý mua cổ phiếu | 4.000.000.000 | - |
| Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ - ứng vốn | 2.198.562.125 | - |
| Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng - ứng vốn | 232.711.872 | - |
| Các khoản phải thu khác | 167.876.541 | 917.864.520 |
| Cộng | <u>101.992.074.980</u> | <u>12.079.526.474</u> |

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 3.493.889.464 | 2.775.223.457 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm | - | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 1.066.684.607 | 2.450.703.297 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 1.824.986.107 | 324.520.160 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm | 602.218.750 | - |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | 97.500.000 | - |
| Cộng | <u>3.591.389.464</u> | <u>2.775.223.457</u> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | |
|----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.775.223.457 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 816.166.007 |
| Hoàn nhập dự phòng | - |
| Số cuối năm | <u>3.591.389.464</u> |

8. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 69.253.087.484 | 49.027.781.402 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.113.738.575 | 3.005.164.978 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 50.382.348.612 | 100.167.847.649 |
| Thành phẩm | 20.192.202.669 | 7.853.470.581 |
| Hàng hóa | 12.521.674.098 | 69.873.855.088 |
| Cộng | <u>156.463.051.438</u> | <u>229.928.119.698</u> |

Một số nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho trị giá 156.463.051.438 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (cá nuôi).

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 148.234.371 | 46.653.855 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 527.813.819 | 4.780.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Cộng | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------|--------------------|-------------------|
| | 676.048.190 | 51.433.855 |

11. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng | 990.758.031 | 982.164.223 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 494.477.089 | - |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.770.717.188 | 1.720.565.150 |
| Cộng | 4.255.952.308 | 2.702.729.373 |

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm trang 40.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 86.821.611.531 | 20.000.000 | 86.841.611.531 |
| Mua trong năm | 186.300.000 | - | 186.300.000 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 4.353.739.949 | - | 4.353.739.949 |
| Giảm do góp vốn | (7.947.905.570) | - | (7.947.905.570) |
| Số cuối năm | 83.413.745.910 | 20.000.000 | 83.433.745.910 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 930.871.164 | 2.666.665 | 933.537.829 |
| Khấu hao trong năm | 1.039.417.685 | 1.999.998 | 1.041.417.683 |
| Giảm do góp vốn | (140.453.859) | - | (140.453.859) |
| Số cuối năm | 1.829.834.990 | 4.666.663 | 1.834.501.653 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 85.890.740.367 | 17.333.335 | 85.908.073.702 |
| Số cuối năm | 81.583.910.920 | 15.333.337 | 81.599.244.257 |

Quyền sử dụng đất đảm bảo nợ vay có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 35.642.476.676 VND và 12.628.324.362 VND.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------------------------|--------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 314.042.500 | 4.569.190.519 | (4.730.998.019) | 152.235.000 |
| XDCB dở dang | 338.860.848 | 326.244.000 | (326.244.000) | 338.860.848 |
| Sửa chữa lớn TSCĐ | 28.449.404 | - | - | 28.449.404 |
| Cộng | 681.352.752 | 4.895.434.519 | (5.057.242.019) | 519.545.252 |

15. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cám Đồng Bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401453457 ngày 15 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cá nhân Đồng Bằng 15.500.000.000 VND, tương đương 96,88% vốn điều lệ.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------|-----------------------|------------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty cổ phần Việt Ánh ^(a) | 1.960.000 | 19.600.000.000 | 1.960.000 | 19.600.000.000 |
| Công ty cổ phần lương thực Nam Việt ^(b) | - | - | 920.000 | 9.200.000.000 |
| Cộng | 1.960.000 | 19.600.000.000 | 2.880.000 | 28.800.000.000 |

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000064 ngày 16 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Việt Ánh 19.600.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

^(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300071468 ngày 26 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần lương thực Nam Việt 9.200.000.000 VND, tương đương 32,80% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã rút vốn bằng tiền mặt 200.000 cổ phiếu tương đương 2.000.000.000 VND và bán 600.000 cổ phiếu tương đương 6.000.000.000 VND của Công ty cổ phần lương thực Nam Việt cho Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt. Tại thời điểm cuối năm, giá trị khoản đầu tư vào Công ty cổ phần lương thực Nam Việt thấp hơn 20% vốn điều lệ nên được chuyển sang trình bày ở khoản mục “Đầu tư dài hạn khác” (thuyết minh V.17)

17. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|----------------|----------------------|------------|----------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ | 610.000 | 6.100.000.000 | - | - |
| Công ty cổ phần lương thực Nam Việt | 120.000 | 1.200.000.000 | - | - |
| Cộng | 730.000 | 7.300.000.000 | - | - |

18. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Kết chuyển vào | Số cuối năm |
|---|--------------------|--------------------|------------------------|--------------------|
| | | | chi phí SXKD trong năm | |
| Công cụ, dụng cụ | 733.075.361 | 248.969.072 | (494.177.150) | 487.867.283 |
| Tiền thuê đất của Chi nhánh An Giang | 159.701.333 | - | (12.608.000) | 147.093.333 |
| Tiền thuê đất của Trung tâm cá giống & dịch vụ thú y thủy sản | - | 192.000.000 | (44.000.000) | 148.000.000 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 54.362.400 | 88.818.000 | (41.101.189) | 102.079.211 |
| Cộng | 947.139.094 | 529.787.072 | (591.886.339) | 885.039.827 |

19. Vay và nợ ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 384.588.577.077 | 343.051.603.755 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ^(a)</i> | 37.999.246.392 | 80.351.252.318 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ^(b)</i> | 331.098.433.094 | |
| <i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt^(c)</i> | 13.549.897.591 | |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ^(d)</i> | 1.941.000.000 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26) | 425.000.000 | 1.145.000.000 |
| Cộng | <u>385.013.577.077</u> | <u>344.196.603.755</u> |

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa và các khoản phải thu trị giá 100 tỷ đồng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 350 tỷ đồng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất và tín chấp trị giá 30 tỷ đồng.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hoá tồn kho luân chuyển trị giá 20 tỷ đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 343.051.603.755 | 1.145.000.000 | 344.196.603.755 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 1.505.087.463.892 | - | 1.505.087.463.892 |
| Số kết chuyển từ vay dài hạn | | 425.000.000 | 425.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | (605.338.287) | - | (605.338.287) |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (1.462.945.152.283) | (1.145.000.000) | (1.464.090.152.283) |
| Số cuối năm | <u>384.588.577.077</u> | <u>425.000.000</u> | <u>385.013.577.077</u> |

20. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | 86.822.519.889 | 73.771.611.252 |
| Công ty cổ phần Việt Ánh | 22.363.370.025 | 19.863.716.811 |
| Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt | 30.138.841.038 | 2.879.184.277 |
| Chi nhánh Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh – Xí nghiệp chế biến thức ăn | 11.041.674.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| chăn nuôi | | |
| Công ty cổ phần đầu tư và phát triển viễn thông Miền Tây | 13.835.246.863 | - |
| Công ty cổ phần Geenfeed Việt Nam | 9.999.785.394 | 222.039.006 |
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 2.185.239.900 | - |
| Xí nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Anfoodco – | | |
| Công ty lương thực thực phẩm An Giang | 6.932.900.000 | - |
| Công ty cổ phần lương thực Sông Hậu | 2.378.000.000 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Việt Thái Tín | 1.453.004.280 | - |
| Công ty cổ phần Pallet Vina | 2.263.407.300 | 16.352.996 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.863.235.848 | 44.132.336.453 |
| Cộng | <u>195.277.224.537</u> | <u>140.885.240.795</u> |

21. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | 45.782.166.667 | - |
| Công ty cổ phần Việt Ánh | 65.217.397.600 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt | 1.217.704.792 | 86.400.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Bé | 1.822.457.700 | 48.163.520 |
| Ông Huỳnh Thanh Quân | 190.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 2.945.759.225 | 15.313.361.671 |
| Cộng | <u>117.175.485.984</u> | <u>101.761.525.191</u> |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 3.451.046.133 | (3.451.046.133) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 5.129.173.300 | (5.129.173.300) | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 1.357.463.373 | (1.357.463.373) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | (1.803.483.708) | - | (274.759.362) | (2.078.243.070) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 57.210.569 | 151.500.619 | (180.367.625) | 28.343.563 |
| Các loại thuế khác | - | 15.928.500 | (15.928.500) | - |
| Cộng | <u>(1.746.273.139)</u> | <u>10.148.088.998</u> | <u>(10.451.715.366)</u> | <u>(2.049.899.507)</u> |

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Bã đậu nành, gạo và các phụ phẩm 5%
- Thuốc thú y và các dịch vụ 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế TP. Cần Thơ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú, tỉnh An Giang:
 - + Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - + Được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

- Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ:
 - + Đối với các lĩnh vực đầu tư: xây xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống:
 - o Áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
 - o Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo.
 - + Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (5.190.296.085) | 6.936.472.337 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.362.075.294 | 465.243.498 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (7.671.621.981) | (3.652.000.000) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | (11.499.842.772) | 3.749.715.835 |
| Thu nhập được miễn thuế | (690.000.000) | - |
| Thu nhập tính thuế | (12.189.842.772) | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | 937.428.959 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 487.363.150 | 150.758.827 |
| Cổ tức phải trả | 319.030.650 | - |
| Tài sản thừa chờ xử lý | 37.400.352 | - |
| Các khoản phải trả khác | 48.819.962 | 12.561.290 |
| Cộng | 892.614.114 | 163.320.117 |

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số trích lập từ lợi nhuận trong năm</u> | <u>Số chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------------|---------------------|--|-----------------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (85.772.382) | 305.748.315 | - | 219.975.933 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 42.616.312 | - | - | 42.616.312 |
| Cộng | (43.516.070) | 305.748.315 | - | 262.592.245 |

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

| | |
|------------------------|--------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 425.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 318.750.000 |
| Trên 05 năm | - |
| Tổng nợ | 743.750.000 |

Chi tiết phát sinh trong năm của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

| | |
|--|--------------------|
| Số đầu năm | 743.750.000 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | - |
| Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả | 425.000.000 |
| Số cuối năm | 318.750.000 |

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm trang 41.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | |
|-------------------------------------|----------------------|
| Trả cổ tức năm trước (11% mệnh giá) | 7.849.884.694 |
| Tạm ứng cổ tức | - |
| Cộng | 7.849.884.694 |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 84.800.000.000 | 80.800.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 84.800.000.000 | 80.800.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 84.800.000.000 | 80.800.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 84.800.000.000 | 80.800.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 84.800.000.000 | 80.800.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------|--------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Bã đậu nành | 482.128.851.376 | 389.811.941.757 |
| Gạo các loại | 101.945.356.376 | 239.465.676.000 |
| Cá | 369.850.929.648 | 210.679.233.187 |
| Cám các loại | 111.749.008.319 | 59.871.097.052 |
| Cà phê | - | 55.633.294.600 |
| Bắp hạt | 129.991.196.222 | 35.139.207.913 |
| Lúa mì | 36.567.285.100 | 26.000.824.477 |
| Mì lát | 101.884.253.174 | 22.630.582.326 |
| Đường | - | 15.892.604.762 |
| Thuốc thủy sản | 14.661.828.657 | 10.636.455.448 |
| Tầm | 13.299.865.422 | 5.070.211.818 |
| Thức ăn cá | 30.576.633.188 | 5.038.000 |
| Khác (bột thịt, bột cá, điều hạt) | 9.150.354.971 | 7.701.562.023 |
| Cộng | <u>1.401.805.562.453</u> | <u>1.078.537.729.363</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Bã đậu nành | 458.902.207.645 | 376.824.298.410 |
| Gạo các loại | 103.772.121.493 | 233.446.451.510 |
| Cá | 312.090.148.428 | 194.398.124.419 |
| Cám các loại | 114.363.537.057 | 56.640.765.957 |
| Cà phê | - | 54643498534 |
| Bắp hạt | 127.839.500.352 | 31.936.425.928 |
| Lúa mì | 36.199.066.960 | 25313284618 |
| Mì lát | 100.939.766.967 | 21.958.121.478 |
| Đường | - | 15.334.731.428 |
| Thuốc thủy sản | 14.108.072.393 | 10.560.188.417 |
| Tầm | 13.541.092.625 | 4.594.480.504 |
| Thức ăn cá | 30.576.633.187 | 5.038.000 |
| Khác (bột thịt, bột cá, điều hạt) | 10.908.491.542 | 7.900.653.585 |
| Cộng | <u>1.323.240.638.649</u> | <u>1.033.556.062.788</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 215.786.530 | 159.644.795 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lãi cho vay | 72.855.503 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 690.000.000 | 3.652.000.000 |
| Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu | 1.659.333.334 | 4.628.666.666 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 11.425.982.408 | 3.589.663.045 |
| Chiết khấu thanh toán | 543.974.793 | 302.249.846 |
| Lãi tiền ứng trước cho các hợp đồng | 12.740.751.676 | 234.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.948.835.090 | 11.442.907.843 |
| Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn | - | 42.080.000.000 |
| Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán dài hạn | - | 1.680.000.000 |
| Cộng | 29.297.519.334 | 67.769.132.195 |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 82.380.325.111 | 63.358.242.929 |
| Chi phí dự phòng | (3.000.000.000) | 3.000.000.000 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 17.592.247.128 | 18.039.902.852 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 446.374.689 | 166.089.373 |
| Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn | - | 4.480.000.000 |
| Chi phí giao dịch bán chứng khoán | - | 25.298.000 |
| Cộng | 97.418.946.928 | 89.069.533.154 |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 1.938.650.540 | 1.714.021.857 |
| Chi phí vật liệu bao bì | 45.799.000 | 10.728.720 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 430.801.768 | 219.969.156 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 859.078.527 | 610.706.458 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.943.607.226 | 5.176.211.155 |
| Chi phí khác | 580.977.292 | 893.283.895 |
| Cộng | 17.798.914.353 | 8.624.921.241 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.271.440.679 | 1.658.638.467 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 6.303.300 | 3.345.454 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.141.031.463 | 394.828.108 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 301.963.241 | 186.000.723 |
| Thuế, phí và lệ phí | 52.617.645 | 12.790.700 |
| Chi phí dự phòng | 816.166.007 | 1.770.265.309 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 677.418.931 | 928.045.245 |
| Chi phí khác | 2.586.617.579 | 3.883.712.756 |
| Cộng | 7.853.558.845 | 8.837.626.762 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 739.684.939 | 617.713.224 |
| Thu nhập từ tài sản đem góp vốn | 7.690.301.862 | - |
| Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng | 138.327.240 | 167.891.816 |
| Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá | - | 43.232.262 |
| Tiền bồi thường hợp đồng | - | 200.000.000 |
| Thu nhập khác | 918.080.043 | 379.700.921 |
| Cộng | <u>9.486.394.084</u> | <u>1.408.538.223</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 665.223.899 | 492.748.731 |
| Thuế các năm trước bị truy thu | 150.943.933 | - |
| Chi phí khác | 76.755.758 | 198.034.768 |
| Cộng | <u>892.923.590</u> | <u>690.783.499</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (5.199.020.368) | 6.114.966.290 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (5.199.020.368) | 6.114.966.290 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*) | 8.081.111 | 8.080.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>(643)</u> | <u>757</u> |

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 8.080.000 | 8.080.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 23 tháng 9 năm 2011 | 1.111 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>8.081.111</u> | <u>8.080.000</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Thanh lý tài sản cố định bằng cách cản trừ các khoản nợ | 665.223.899 | - |
| Thu hồi tiền đầu tư vào công ty khác thông qua cản trừ công nợ | 6.000.000.000 | - |
| Đầu tư vào công ty khác thông qua góp vốn bằng tài sản cố định | 21.600.000.000 | - |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương, thưởng | 702.220.192 | 644.494.619 |
| Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát | 190.800.000 | 425.500.000 |
| Cộng | <u>893.020.192</u> | <u>1.069.994.619</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--------------------------------------|-----------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | Công ty mẹ |
| Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng | Công ty con |
| Công ty cổ phần Việt Ánh | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần lương thực Nam Việt | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ | Công ty cùng Tập đoàn |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | | |
| Doanh thu bán hàng | 247.966.578.428 | - |
| Mua hàng hóa | 26.434.370.771 | 129.879.170.543 |
| Mua tài sản cố định (xe ô tô) | 500.000.000 | 1.879.798.364 |
| Cổ tức năm 2010 | 4.571.600.000 | - |
| Lãi bán hàng trả chậm | 12.013.809.449 | - |
| Lãi tạm ứng vốn | 3.068.313.718 | 14.335.430.995 |
| Phạt hợp đồng | 4.867.200.000 | - |
| Lãi ứng trước tiền hàng, lãi chậm thanh toán | 784.804.175 | - |
| Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng | | |
| Lãi ứng vốn | 4.900.000 | - |
| Góp vốn bằng tài sản | 15.500.000.000 | - |
| Công ty cổ phần Việt Ánh | | |
| Bán hàng hóa, dịch vụ | 32.353.471.357 | 33.064.452.416 |
| Mua hàng hóa | 121.892.781.045 | 30.896.554.092 |
| Lãi mua hàng trả chậm | 2.991.935.261 | 383.993.696 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 113.136.247 | 1.417.855.187 |
| Bán trái phiếu | 93.000.000.000 | 136.400.000.000 |
| Cổ tức được chia 2010 | 1.350.000.000 | - |
| Lãi ứng trước tiền hàng | 1.488.000.000 | - |
| Công ty cổ phần lương thực Nam Việt | | |
| Mua cổ phiếu | - | 7.400.000.000 |
| Mua hàng, dịch vụ | 30.431.558.518 | 28.783.449.443 |
| Bán hàng | 11.047.622.857 | 20.179.920.000 |
| Lãi mua hàng trả chậm | 572.903.212 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt | | |
| Mua hàng hóa | 70.709.769.229 | 2.199.472.869 |
| Bán hàng hóa | 46.712.901.376 | 1.127.000.000 |
| Bán cổ phiếu | 6.000.000.000 | 10.080.000.000 |
| Lãi ứng vốn | 5.416.667 | - |
| Lãi bán hàng trả chậm | 45.393.767 | - |
| Lãi mua hàng trả chậm | 1.476.999.228 | - |
| Trả lãi ứng trước hợp đồng | 9.430.633.642 | - |
| Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ | | |
| Doanh thu bán hàng | 94.915.716.534 | - |
| Lãi bán hàng | 3.899.391.626 | - |
| Góp vốn | 6.100.000.000 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty cổ phần Gentraco | | |
| Ứng trước tiền hàng | 282.034.839 | 86.616.900.000 |
| Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ứng vốn | 232.711.872 | - |
| <i>Công ty cổ phần Việt Anh</i> | | |
| Tiền hàng | 867.947.015 | 5.871.267.095 |
| Ứng trước tiền mua hàng | 73.488.000.000 | - |
| Bán trái phiếu | 93.000.000.000 | - |
| Cổ tức | - | 2.352.000.000 |
| <i>Công ty cổ phần lương thực Nam Việt</i> | | |
| Tiền hàng | - | 660.000 |
| Ứng trước tiền hàng | - | - |
| Cổ tức | - | 460.000.000 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt</i> | | |
| Tiền hàng | 42.072.000.000 | 1.320.000 |
| <i>Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ</i> | | |
| Phải thu tiền hàng | 100.207.176.414 | - |
| Ứng vốn | 2.198.562.125 | - |
| Cộng nợ phải thu | <u>312.348.432.265</u> | <u>95.302.147.095</u> |
| <i>Công ty cổ phần Gentraco</i> | | |
| Tiền hàng | 86.822.519.889 | 73.925.980.856 |
| Ứng trước tiền hàng | 45.782.166.667 | - |
| <i>Công ty cổ phần Việt Anh</i> | | |
| Tiền hàng | 22.363.370.025 | 19.863.716.811 |
| Ứng trước tiền hàng | 65.217.397.600 | - |
| <i>Công ty cổ phần lương thực Nam Việt</i> | | |
| Ứng trước tiền hàng | - | 11.599.670.000 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt</i> | | |
| Ứng trước tiền hàng | 1.217.704.792 | 86.400.000.000 |
| Tiền hàng | 30.138.841.038 | 2.879.184.277 |
| Cộng nợ phải trả | <u>251.542.000.011</u> | <u>194.668.551.944</u> |

3. Thuê hoạt động***Các hợp đồng đi thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | - | - |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 295.093.333 | 159.701.333 |
| Trên 05 năm | - | - |
| Cộng | <u>295.093.333</u> | <u>159.701.333</u> |

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | <u>Giá trị sổ sách</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.040.743.896 | 6.723.539.798 | 3.040.743.896 | 6.723.539.798 |
| Tài sản tài chính sẵn | 7.300.000.000 | 90.000.000.000 | 7.300.000.000 | 90.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Giá trị sổ sách</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| sàng để bán | | | | |
| Phải thu khách hàng | 196.889.270.926 | 54.680.506.764 | 196.889.270.926 | 54.680.506.764 |
| Các khoản phải thu khác | 105.753.550.199 | 14.738.739.777 | 105.753.550.199 | 14.738.739.777 |
| Cộng | 312.983.565.021 | 166.142.786.339 | 312.983.565.021 | 166.142.786.339 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 385.332.327.077 | 344.940.353.755 | 385.332.327.077 | 344.940.353.755 |
| Phải trả cho người bán | 195.277.224.537 | 140.885.240.795 | 195.277.224.537 | 140.885.240.795 |
| Chi phí phải trả | 898.156.070 | 218.388.819 | 898.156.070 | 218.388.819 |
| Các khoản phải trả khác | 2.145.094.832 | 163.320.117 | 2.145.094.832 | 163.320.117 |
| Cộng | 582.754.646.446 | 486.207.303.486 | 582.754.646.446 | 486.207.303.486 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.21 và V.28). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

| <u>Tài sản thế chấp</u> | <u>Giá trị sổ sách</u> |
|-------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | |
| Hàng tồn kho | 156.463.051.438 |
| Quyền sử dụng đất | 35.642.476.676 |
| Cộng | 192.105.528.114 |
| Số đầu năm | |
| Hàng tồn kho | 229.928.119.698 |
| Quyền sử dụng đất | 13.498.771.231 |
| Cộng | 243.426.890.929 |

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 385.013.577.077 | 318.750.000 | - | 385.332.327.077 |
| Phải trả cho người bán | 195.277.224.537 | - | - | 195.277.224.537 |
| Chi phí phải trả | 898.156.070 | - | - | 898.156.070 |
| Các khoản phải trả khác | 855.213.762 | 391.725.000 | - | 1.284.339.114 |
| Cộng | 582.044.171.446 | 710.475.000 | - | 582.754.646.446 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 344.196.603.755 | 743.750.000 | - | 344.940.353.755 |
| Phải trả người bán | 140.885.240.795 | - | - | 140.885.240.795 |
| Chi phí phải trả | 218.388.819 | - | - | 218.388.819 |
| Các khoản phải trả khác | 163.320.117 | - | - | 163.320.117 |
| Cộng | 485.463.553.486 | 743.750.000 | - | 486.207.303.486 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

| | Thay đổi tỷ giá USD (%) | Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
|------------------|------------------------------------|--|
| Năm nay | + 2% | 608.267.304.958 |
| | - 2% | (608.267.304.958) |
| Năm trước | + 2% | 802.702.269.003 |
| | - 2% | (802.702.269.003) |

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

| | Thay đổi lãi suất (%) | Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
|------------------|----------------------------------|--|
| Năm nay | + 2% | (5.775.203.656) |
| | - 2% | 5.775.203.656 |
| Năm trước | + 2% | (5.162.949.056) |
| | - 2% | 5.162.949.056 |

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Cần Thơ, ngày 12 tháng 01 năm 2012

Lê Thị Kim Thắm
Người lập biểu

Lý Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Quang Tâm
Giám đốc